



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

TỔNG QUAN

CTS DỰ BÁO NĂM 2024	ĐƠN VỊ	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Chỉ số giá tiêu dùng - CPI	% yoy	3,5%	> 3,5%
Tỷ giá USD/VND	VNĐ	24.300 – 24.800	> 24.800
Tăng trưởng tín dụng	% yoy	≥ 15%	< 15%
Tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới	% ytd	15%	< 15%
Giải ngân đầu tư công	% ytd	85 – 95%	< 85%
Tăng trưởng GDP	% yoy	6,0%	< 6,0%

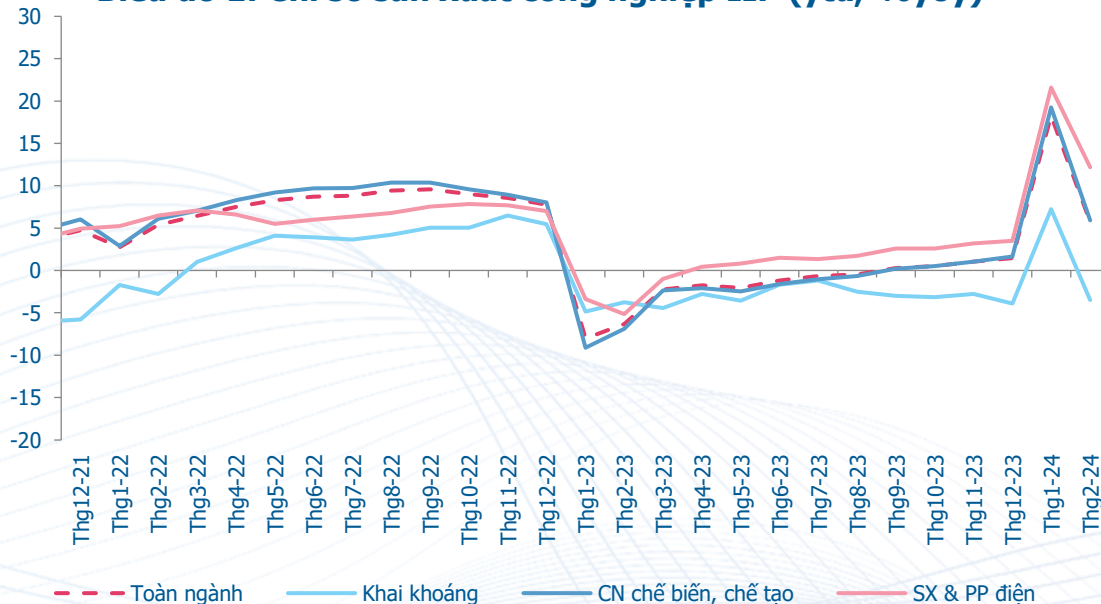
Chú thích: CTS dự báo khả năng có thể xảy ra

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ VIỆT NAM 2T/2024

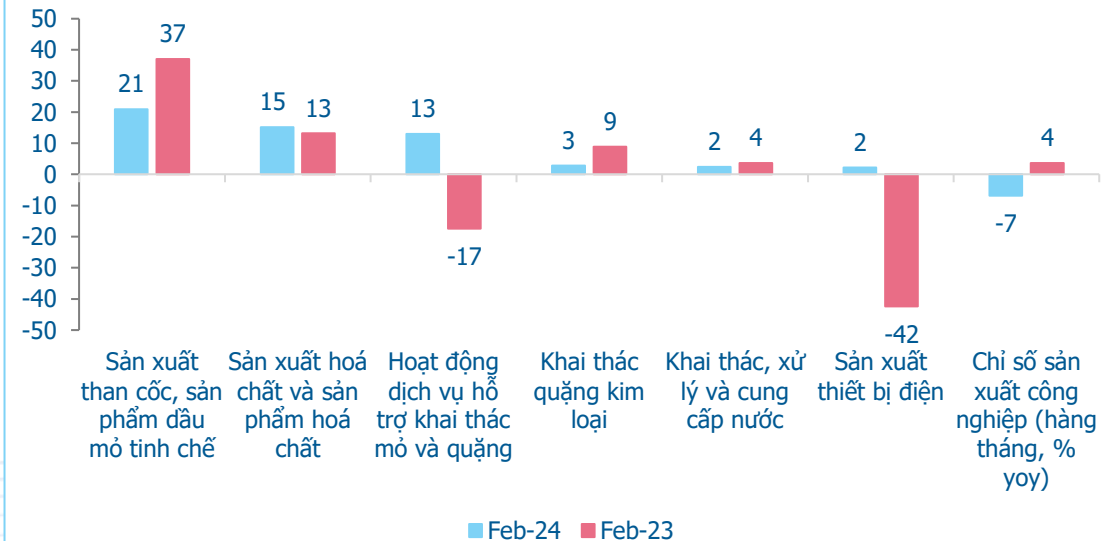
SẢN XUẤT KINH DOANH CHO THẤY TÍN HIỆU TÍCH CỰC TRỞ LẠI

- Trong 2 tháng đầu năm 2024, **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tính tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước**. Trong đó ngành khai khoáng giảm 3,5% làm giảm 0,6 điểm phần trăm trong mức tăng chung, ngành chế biến chế tạo tăng 5,9%, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,2%. Tuy nhiên, nếu chỉ xét trong tháng 2/2024 thì chỉ số IIP suy giảm đáng kể với mức giảm 18% so với tháng trước, mức suy giảm mạnh nhất trong vòng 01 năm trở lại đây
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 02/2024 đạt 50,4 điểm**, tăng nhẹ so với mốc 50,3 điểm của tháng 1, đây là điều đáng khích lệ với ngành sản xuất tại Việt Nam khi cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều ghi nhận mức tăng ở tháng thứ 2 liên tiếp. Bên cạnh đó, một số yếu tố đáng khích lệ khác có thể kể tới như **giá cả đầu ra tăng khi giảm trong tháng một**; **tâm lý kinh doanh đạt mức cao trong một năm**. Tuy nhiên điều đáng khích lệ là các kế hoạch mở rộng sản xuất và đưa ra các sản phẩm mới đã góp phần làm tăng niềm tin kinh doanh vào thời điểm giữa quý I, và tâm lý lạc quan về sản lượng cũng phản ánh kỳ vọng về tăng trưởng số lượng đơn đặt hàng mới.

Biểu đồ 1: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (ytd, %yoy)



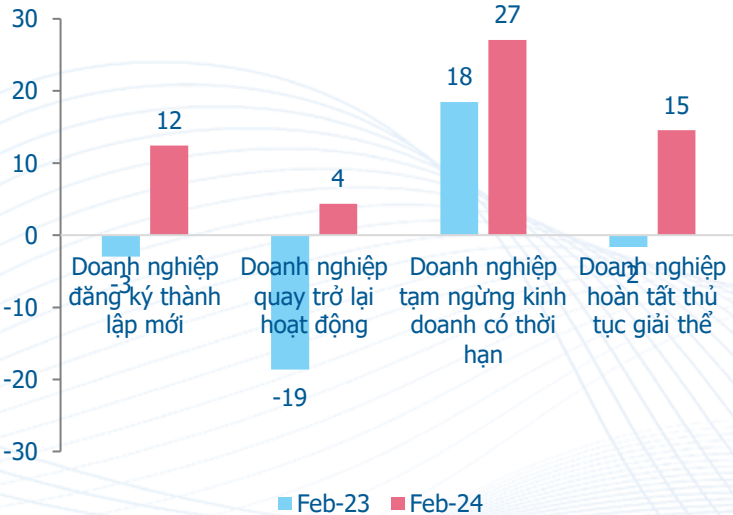
Biểu đồ 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, phân loại theo các ngành công nghiệp



DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI TĂNG

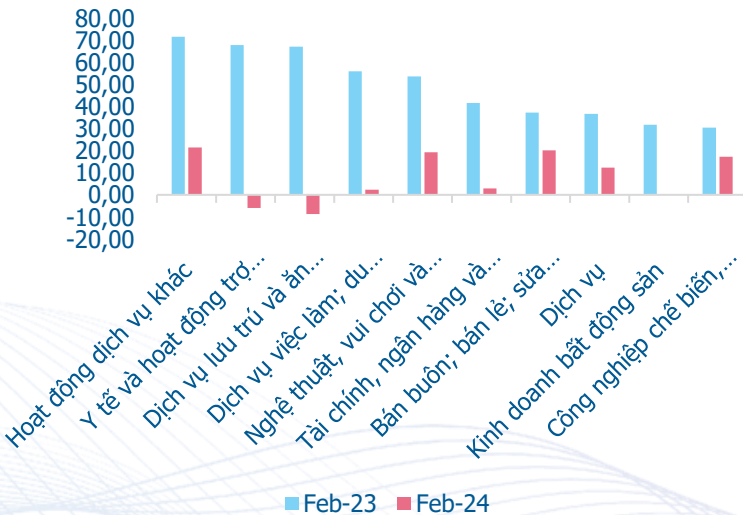
- Tính đến tháng 2 năm 2024, cả nước có khoảng 22,12 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2023, với tổng vốn đăng ký đạt 218,71 nghìn tỷ đồng, tăng 32,8% so với cùng kỳ. Cùng với hơn 300 nghìn tỷ đồng đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động, vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 02 tháng năm 2024 đạt 9,9 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm 2023.
- Các doanh nghiệp thành lập mới đa phần có quy mô nhỏ (từ 0-10 tỷ đồng) với 20,3 nghìn doanh nghiệp, chủ yếu thuộc nhóm ngành dịch vụ (16,63 nghìn doanh nghiệp), công nghiệp (5,26 nghìn doanh nghiệp). Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận số doanh nghiệp ít nhất với 236 doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 1,1% số doanh nghiệp thành lập mới. Kinh doanh bất động sản là lĩnh vực có số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động có mức tăng cao nhất (38,7%, 843 doanh nghiệp), theo sau đó là thông tin truyền thông (19,7% và 449 doanh nghiệp).

Biểu đồ 3: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (đơn vị: %)



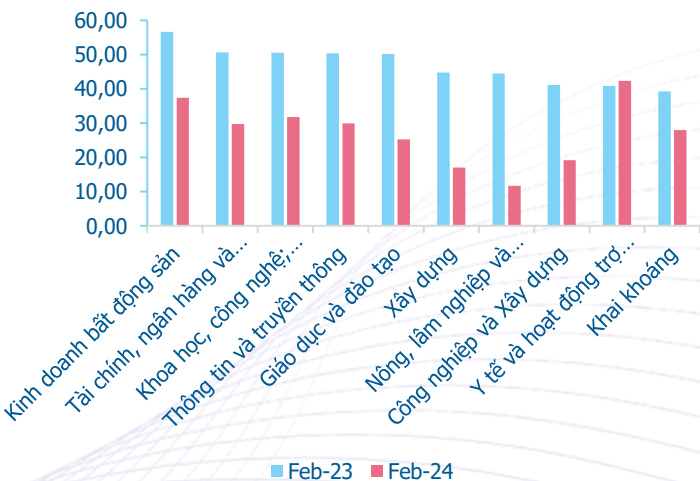
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 4: Tăng trưởng doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhiều nhất (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 5: Tăng trưởng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng nhiều nhất (đơn vị: %)

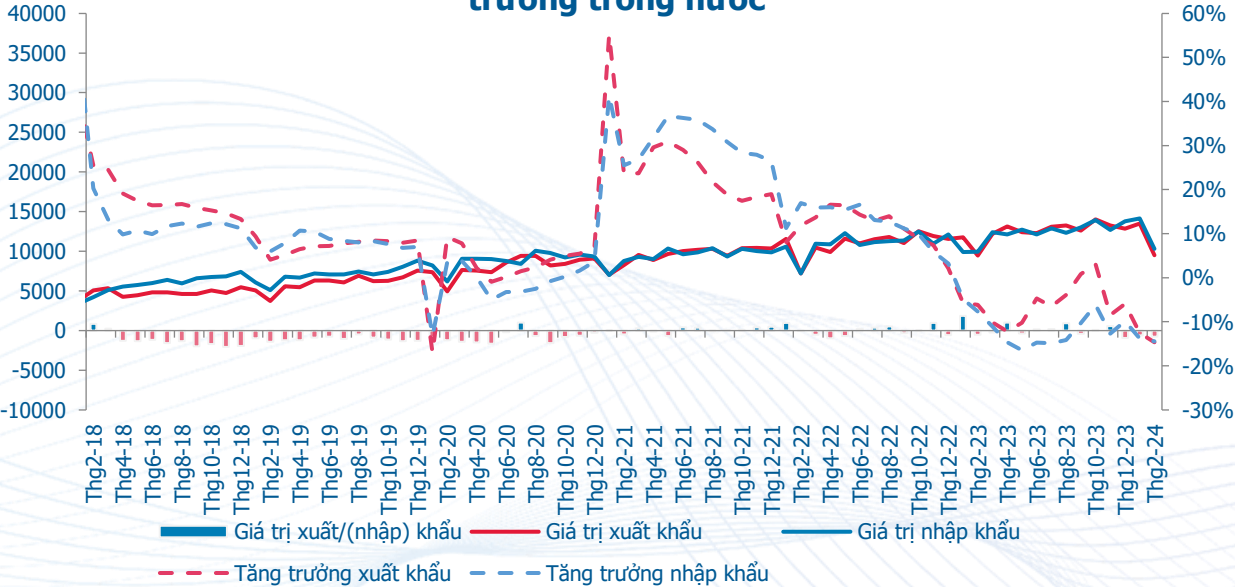


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

XUẤT NHẬP KHẨU TRỞ LẠI ẦN TƯỢNG

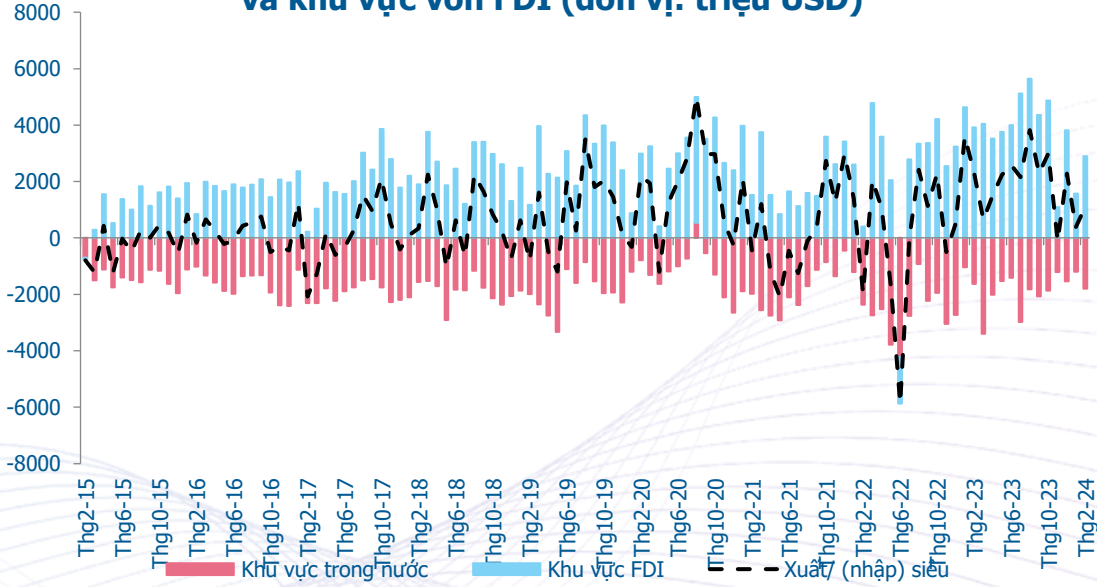
- Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, **cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 4,72 tỷ USD** (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,5 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3,53 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 8,25 tỷ USD. Trong 2 tháng đầu năm 2024, **Hòa Kỳ** là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 17,4 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 20,9 tỷ USD. Một trong những điểm nhấn của xuất khẩu đó là mặt hàng thủy sản, khi 02 tháng đầu năm ước đạt 1,31 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2023, đặc biệt là xuất khẩu tôm ghi nhận đạt 415 triệu USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Khu vực có vốn FDI ghi nhận **Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc vẫn đóng vai trò then chốt** trong kim ngạch xuất nhập khẩu. Trong đó, điện thoại và linh kiện là nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực với 9,545 tỷ USD, trong khi điện tử, máy tính là mặt hàng nhập khẩu số một với 15,5 tỷ USD.

Biểu đồ 6: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và tốc độ tăng trưởng trong nước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 7: Giá trị xuất nhập khẩu khu vực trong nước và khu vực vốn FDI (đơn vị: triệu USD)

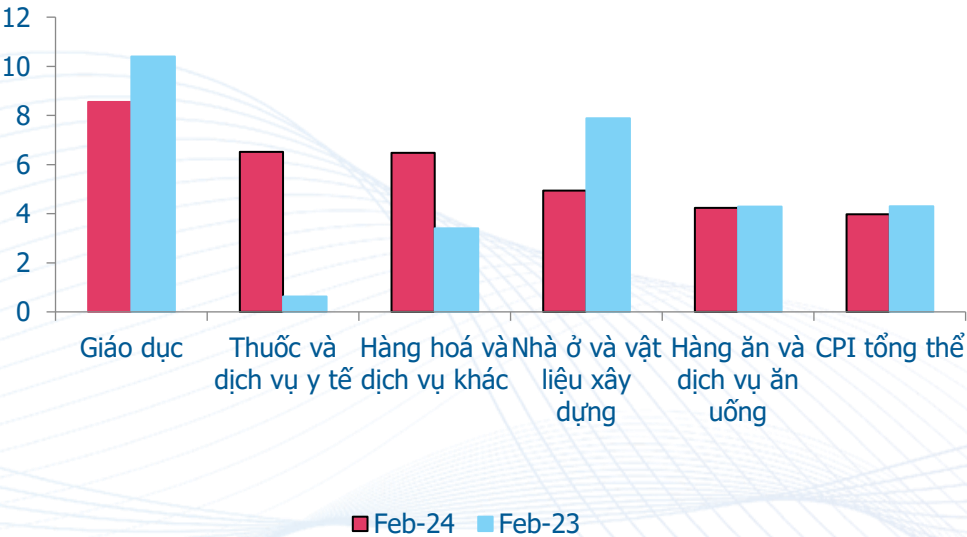


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

LẠM PHÁT VẪN ĐANG TRONG TẦM KIỂM SOÁT ỔN ĐỊNH

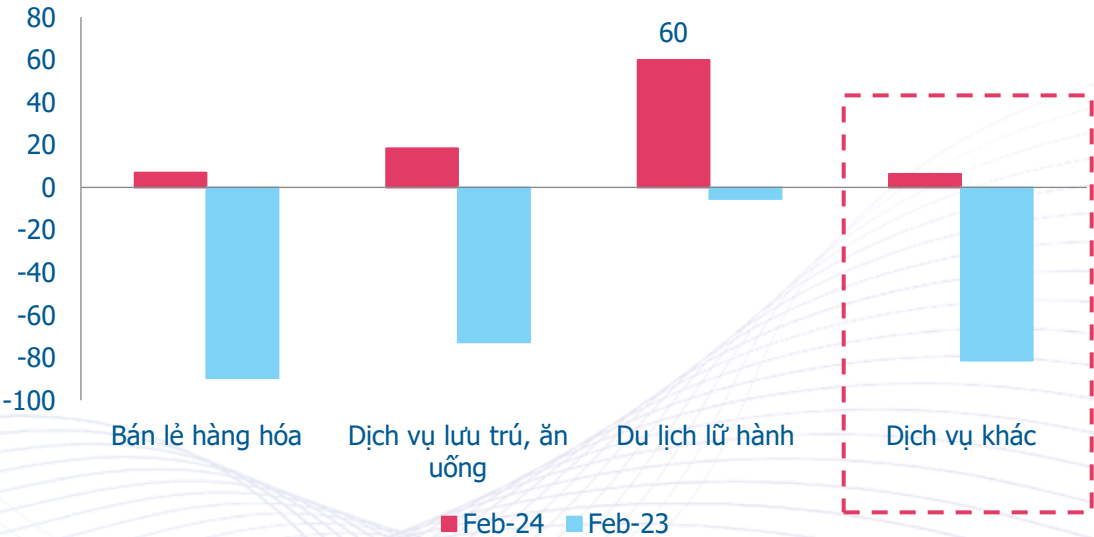
- Trong tháng 2, chỉ số CPI vẫn **tăng 1,04% so với tháng trước** đó và **tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước**. Bình quân 2 tháng đầu năm 2024, chỉ số CPI tăng 3,67% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá gạo trong nước tăng theo giá xuất khẩu, và nhu cầu tăng cao trong dịp tết nguyên đán đã làm cho giá gạo 02 tháng đầu năm 2024 tăng 21,6% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 9,44% do nhu cầu sử dụng điện tăng cũng là một trong những nhân tố khiến CPI tăng trong thời gian vừa qua.
- Tính chung 02 tháng đầu năm 2024, **tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.031,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1%**, so với cùng kỳ năm trước, nếu ngoại trừ yếu tố giá tăng 5,0% . Nếu chỉ tính riêng doanh thu bán lẻ hàng hóa, ước đạt 798,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,4% tổng mức và tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Có thể thấy, 02 tháng đầu năm 2024 là giai đoạn trùng, trước và sau dịp tết nguyên đán nên thị trường hàng hóa khá sôi động hơn so với bình thường.

Biểu đồ 8: Chỉ số giá tiêu dùng CPI, so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 9: Tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

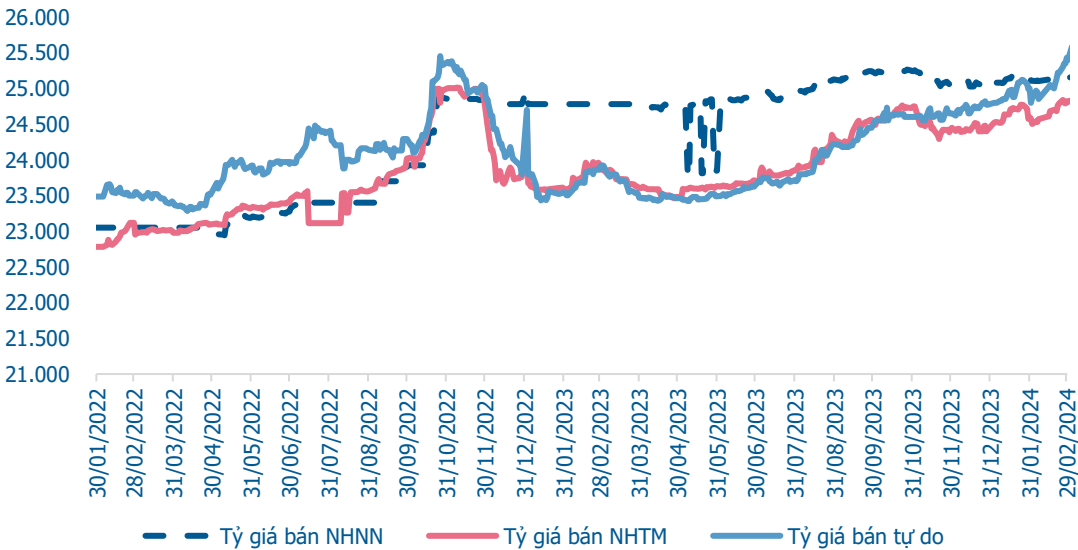


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

TỶ GIÁ USD/VND BẤT NGỜ BẬT TĂNG TRỞ LẠI, GÂY ÁP LỰC LÊN NỀN KINH TẾ

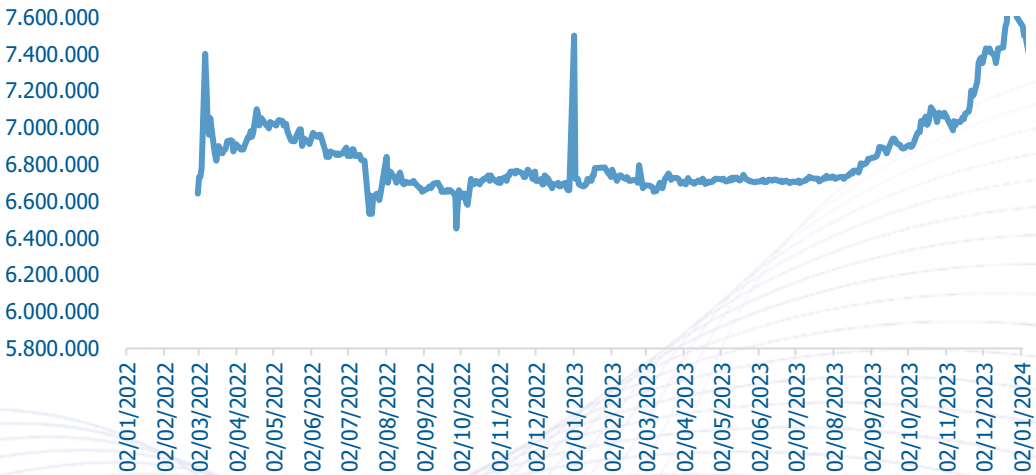
- Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới bất ngờ bật tăng trở lại và neo ở vùng giá cao trong nhiều tháng vừa qua, trong bối cảnh FED phát đi thông điệp nhiều khả năng sẽ có 03 đợt giảm lãi suất. Tính đến ngày 27/03/2024, tỷ giá bán USD/VND của NHNN vẫn đang neo quanh mốc 25.147 đồng, trong khi tỷ giá trung tâm đang áp dụng tại mốc 23.998 VNĐ. Hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại (NHTM) được phép giao dịch trong biên độ từ 23.400 – 25.153 USD/VND. Chúng tôi đánh giá, nguyên nhân tỷ giá bật tăng mạnh trở lại một phần nguyên nhân đến từ việc FED không hạ sớm lãi suất như dự kiến như kế hoạch, ngoài ra nhập khẩu liên tục phục hồi trong thời gian qua khiến cho các doanh nghiệp phải đẩy mạnh nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.
- Giá vàng biến động mạnh trong thời gian qua. Tính đến tháng 03/2024, bình quân giá vàng thế giới vẫn dao động mức 2.179 USD/ounce, tăng so với đầu năm. Ở trong nước, giá vàng SJC cũng đang tiệm cận ở vùng giá 80,32 triệu đồng, vùng giá cao trong nhiều năm trở lại đây.

Biểu đồ 10: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 11: Tỷ giá vàng bán ra SJC Hà Nội

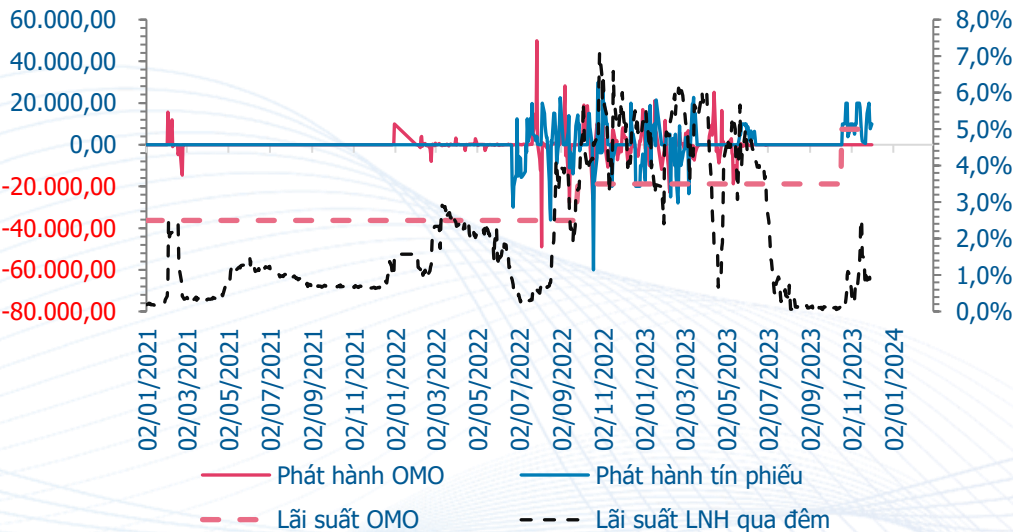


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

NHNN BẤT NGỜ MỞ LẠI KÊNH TÍN PHIẾU

- Sau hơn 04 tháng tạm ngưng, NHNN bất ngờ mở lại kênh đấu thầu tín phiếu, lũy kế đến thời điểm hiện tại NHNN đã hút được khoảng hơn 155.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu, với tốc độ trung bình đạt được là 13.809 tỷ đồng/phần và lãi suất đạt 1,43%/năm.
- Trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm tiếp tục chiếm phần lớn giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp. Cụ thể, giá trị giao dịch của trái phiếu kỳ hạn 10 năm chiếm hơn 33,6% và kỳ hạn 15 năm chiếm gần 38% tổng giá trị giao dịch.

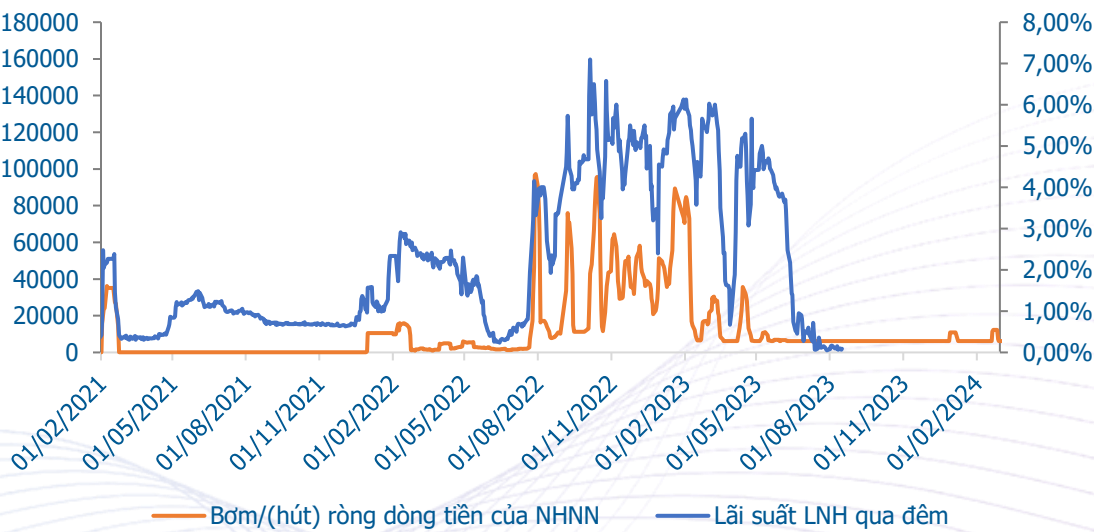
Biểu đồ 12: Khối lượng phát hành OMO và tín phiếu



Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

- Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 02 tăng hầu hết ở các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt hơn 5,5 triệu tỷ đồng, giảm khoảng 15% so với tháng trước.
- Nghiệp vụ thị trường mở: trong tháng 02, NHNN không phát hành trên kênh thị trường mở (OMO). Tuy nhiên, vào ngày 20 và 21/02/2024, NHNN đã mua giấy tờ có giá kỳ hạn 07 ngày với tổng giá trị trị giá 6,037 tỷ đồng.

Biểu đồ 13: Lãi suất LNH qua đêm và cung tiền từ NHNN

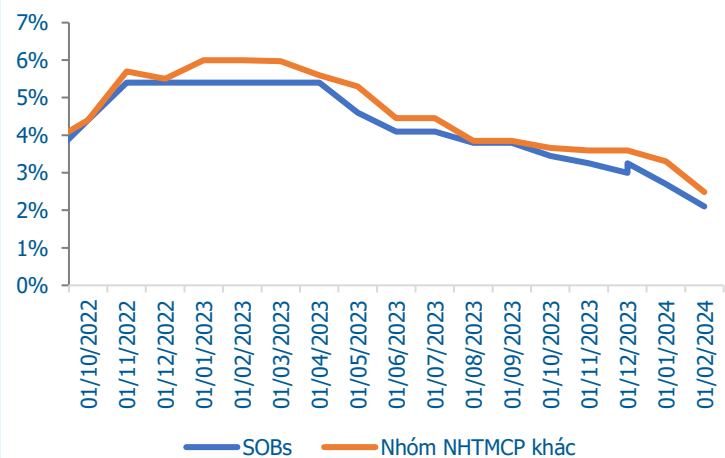


Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH DUY TRÌ Ở MỨC ỔN ĐỊNH

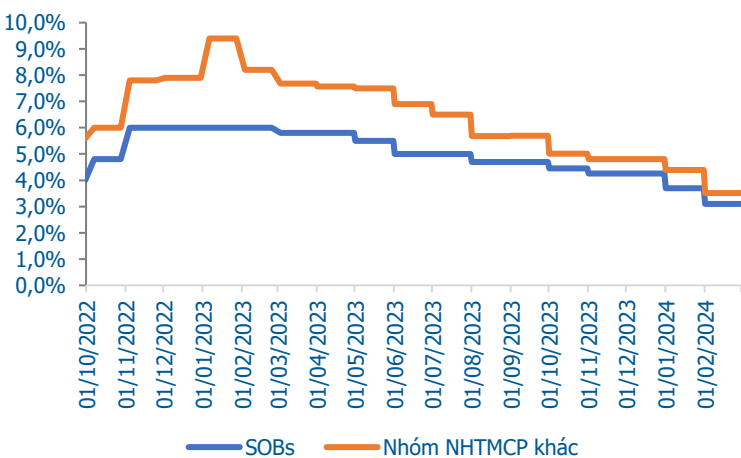
- Hiện tại lãi suất tái cấp vốn vẫn đang duy trì ở mức 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu duy trì ở mức 3% và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 5%/năm.
- Mặt bằng lãi tiền gửi các kỳ hạn cũng ghi nhận giảm mạnh trong thời gian vừa qua. Cụ thể (1) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 1,9%-2%, của các NHTM là 2,5%-3%. (2) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-9 tháng của các NHTM là 4%-4,5%. (3) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng của các NHTM là khoảng 4,5%-5%.
- Việc các NHTM tiến hành giảm lãi suất huy động kỳ hạn ngắn một phần đến từ nguyên nhân do thanh khoản đang dư thừa và tăng trưởng tín dụng đang ở mức thấp trong thời gian vừa qua.

Biểu đồ 14: Lãi suất tiền gửi VND từ 3 đến <6 tháng



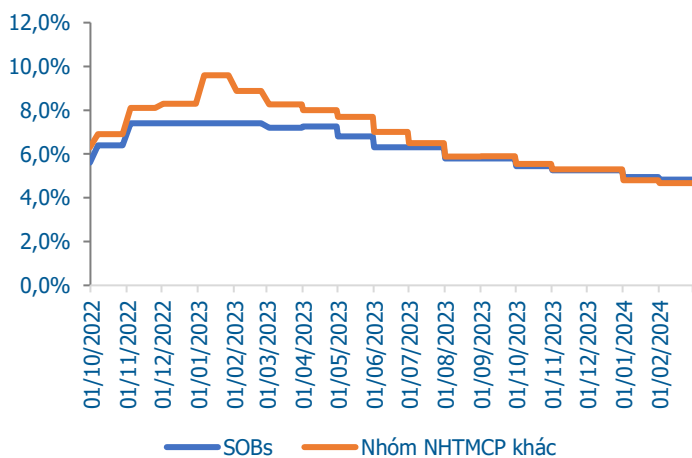
Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 15: Lãi suất tiền gửi VND từ 6-9 tháng



Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 16: Lãi suất tiền gửi VND từ 12 tháng

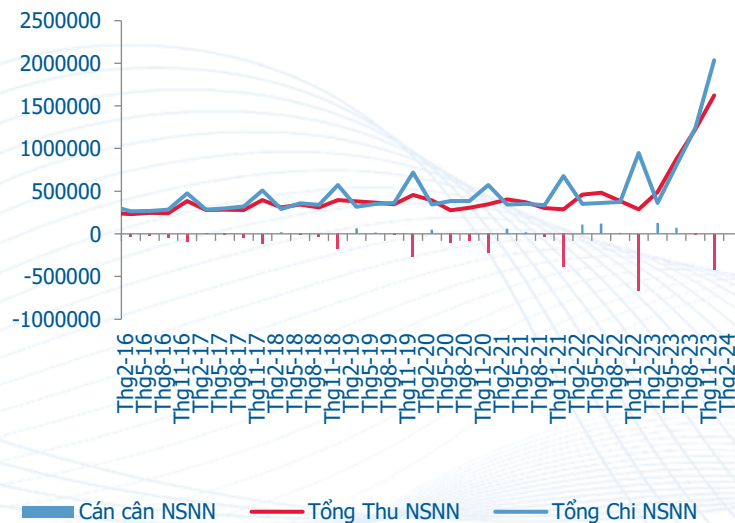


Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

TỔNG THU NSNN 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 ĐẠT 399,4 NGÀN TỶ ĐỒNG

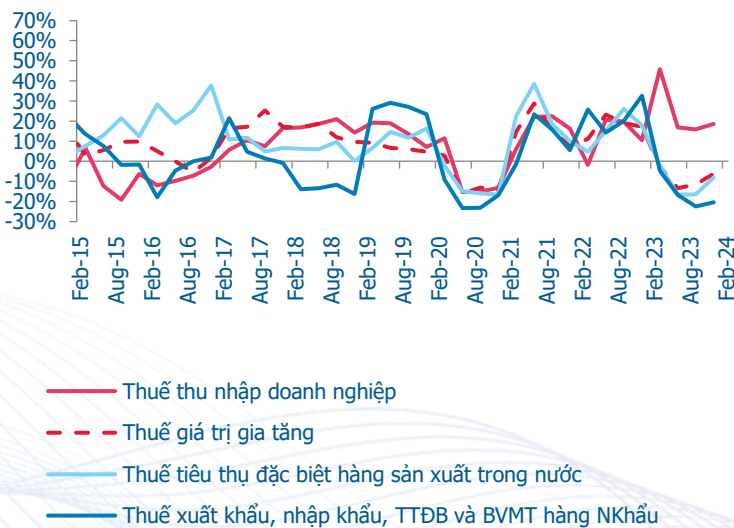
- Theo Bộ Tài Chính, **tổng thu ngân sách nhà nước 2 tháng đầu năm 2024 ước tăng 10,4% so với cùng kỳ**. Chi ngân sách nhà nước ước tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2023.
- Thu nội địa tháng 02/2024 ước đạt 113,5 nghìn tỷ đồng, lũy kế 2 tháng đầu năm 2024 đạt 355,8 ngàn tỷ đồng, bằng 24,6% dự toán năm và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tháng 02/2024 ước đạt 14,3 ngàn tỷ đồng. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2024 đạt 33,8 ngàn tỷ đồng, bằng 16,6% dự toán năm và giảm 18,4% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 17: Cân đối thu - chi ngân sách nhà nước



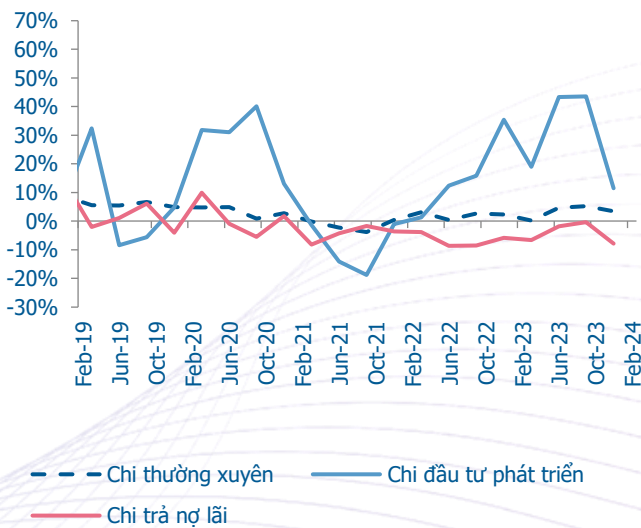
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 18: Tăng trưởng các khoản thu chính



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 19: Tăng trưởng các khoản chi chính

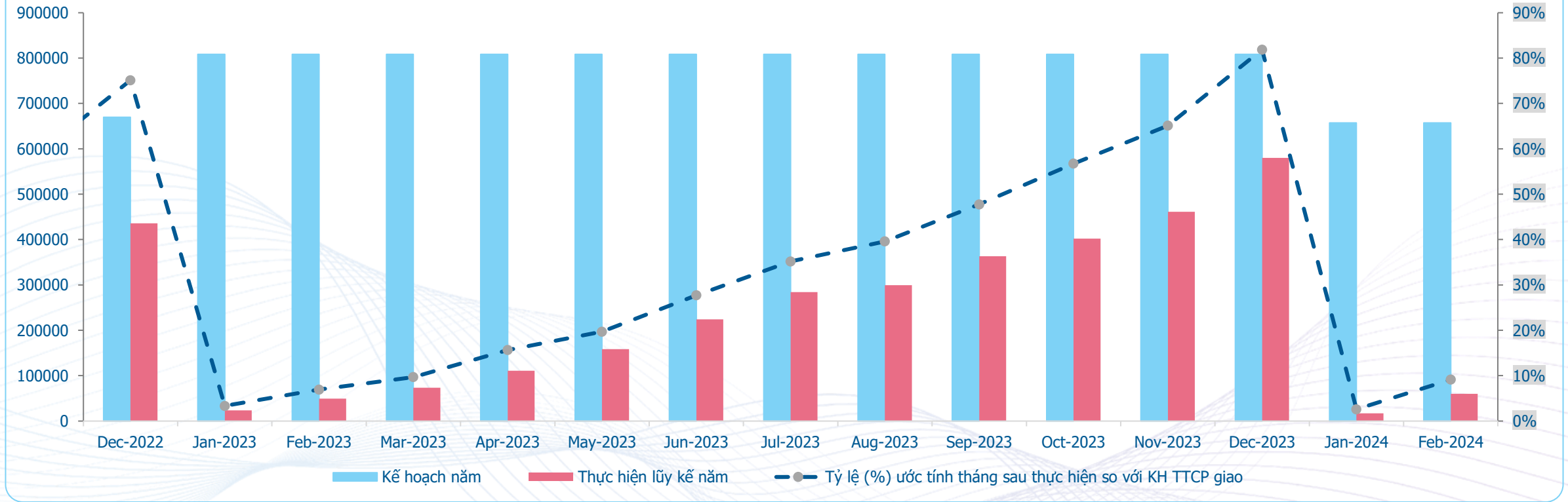


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

ƯỚC GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 2 THÁNG ĐẠT 9,13%

- Theo Bộ Tài chính, tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 02 tháng năm 2024 ước đạt 59.998,1 tỷ đồng, đạt 8,7% tổng kế hoạch; đạt 9,13% kế hoạch thủ tướng giao (Năm 2023 là 6,55% tổng kế hoạch và 6,97% kế hoạch thủ tướng chính phủ giao).
- Như vậy, tỷ lệ giải ngân 2 tháng năm nay đã cao hơn cùng kỳ năm ngoái khoảng 2 điểm phần trăm. Có khoảng 38/63 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt trên mức bình quân chung của cả nước.

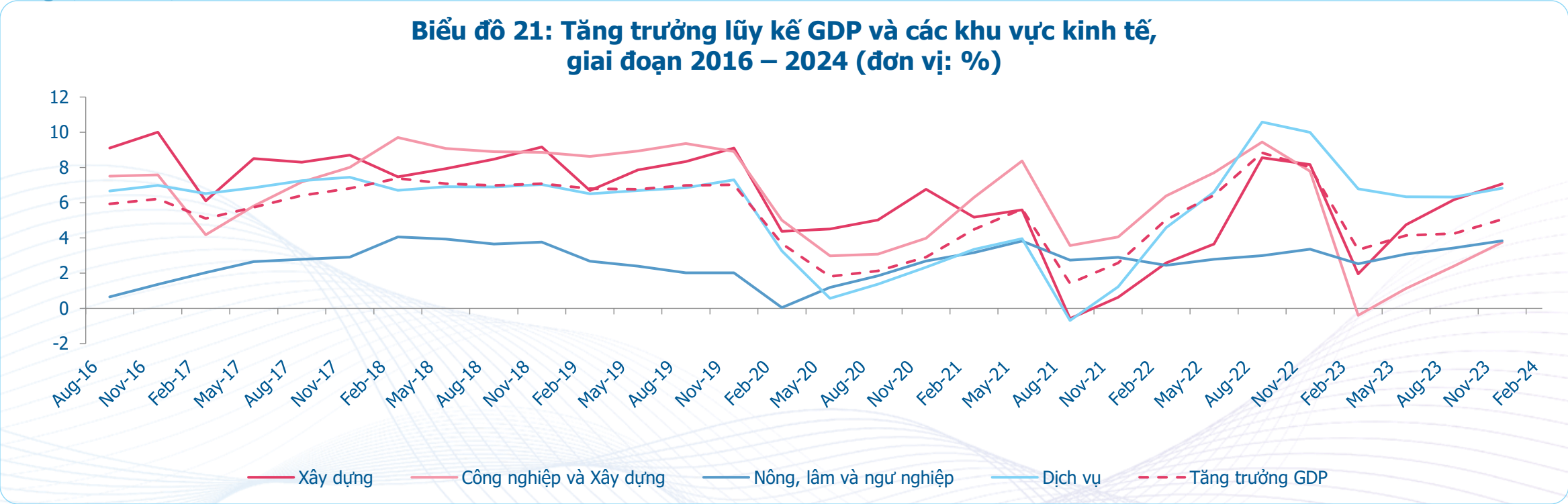
Biểu đồ 20: Tình hình giải ngân vốn đầu tư công, giai đoạn 2022 - 2024



NỀN KINH TẾ ĐANG CÓ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH TÍCH CỰC

- Tăng trưởng GDP năm 2023 tăng 5,05%, ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023.
- Các hoạt động thương mại, du lịch duy trì đà tăng trưởng cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ năm 2023 tăng 6,82% so với năm trước, cao hơn mức tăng 2,01% và 1,75% của các năm 2020-2021.
- Nhiều biến số khó lường từ giờ đến cuối năm chắc chắn sẽ là thách thức cho tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Việt Nam
- Quốc Hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 6,0%-6,5%. Hàng loạt tổ chức quốc tế uy tín, cũng đã dự báo tăng trưởng GDP của nước ta trong khoảng 6,5% như World Bank, IMF.

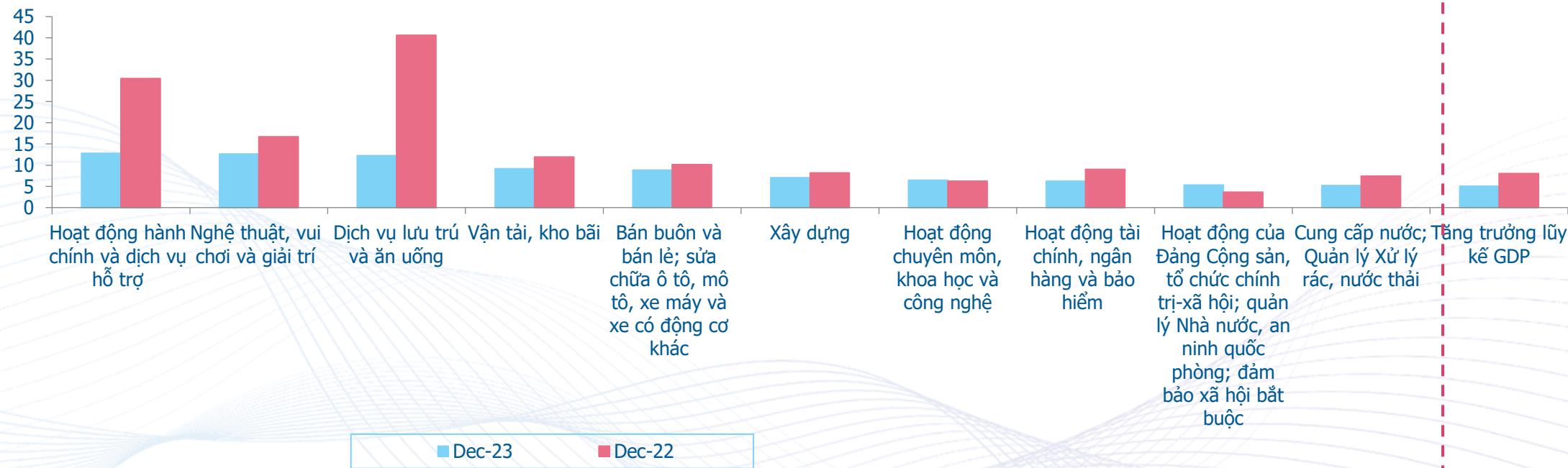
Biểu đồ 21: Tăng trưởng lũy kế GDP và các khu vực kinh tế, giai đoạn 2016 – 2024 (đơn vị: %)



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG LŨY KẾ CÁC NGÀNH (THEO QUÝ)

- Công nghệ thông tin/viễn thông; điện/năng lượng; dược phẩm/y tế; tài chính/ngân hàng là bốn ngành được dự báo có tiềm năng tăng trưởng tốt trong năm 2024.
- Trong năm 2024, sự phục hồi của sản xuất, xây dựng dự kiến sẽ là động lực cho sự tăng trưởng của nhóm ngành điện. Mảng xây lắp điện cũng được kỳ vọng sẽ tăng tốc với dự án trọng điểm là đường dây 500kv mạch 3 Quảng Trạch – Phố Nối, trong khi điện khí LNG với vị thế quan trọng trong hành trình chuyển đổi xanh tại Việt Nam.

Biểu đồ 22: Các ngành có tốc độ tăng trưởng lũy kế cao nhất (đơn vị: %)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính

📍 Tòa N02-T2 Khu Ngoại Giao Đoàn, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

☎ 024 3974 1771 📠 024 3974 1760

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

📍 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

☎ 024 3974 1771 📠 028 3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng

📍 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

☎ 024 3974 1771 📠 023 6358 4788